

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 469/2024/DS-PT

Ngày: 06-9-2024

V/v tranh chấp “Hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Thẩm phán:

Ông Trần Hữu Tính.

Bà Lâm Ngọc Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Thành - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 57/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: Số F, tổ B, khu phố E, phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Võ Trọng K - Văn phòng Luật sư Võ Trọng K, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: Số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Đăng S, sinh năm 1983 (có mặt);

Địa chỉ: B I P, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng: Ông Hà Quốc D, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Số B Đ, khu phố D, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Minh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo án sơ thẩm;*

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Ngọc H trình bày: Ngày 11/10/2022, Ông và ông Nguyễn Minh Đ có thỏa thuận về việc chuyển nhượng nhà đất tọa lạc tại số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho ông Đ với giá trị là 4.000.000.000 (bốn tỷ) đồng. Ông Đ đặt cọc trước cho Ông số tiền 500.000.000 đồng. Số tiền này ông Đ chuyển vào tài khoản của ông tại Ngân hàng V. Số tiền còn lại là 3.500.000.000 đồng ông Đ sẽ trả cho ông như sau:

Trong thời gian đặt cọc, Ông chịu trách nhiệm làm thủ tục pháp lý chuyển nhượng cho ông Đ, khi ra công chứng ký hợp đồng chuyển nhượng nhà đất thì ông Đ giao tiếp cho Ông số tiền 2.000.000.000 đồng. Đến ngày 19/12/2022, Ông và ông Đ ra Văn phòng C ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thì ông Đ đã trả cho Ông số tiền 2.000.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận ngày 11/10/2022 thì số tiền còn lại là 1.500.000.000 đồng ông Đ sẽ trả cho Ông trễ nhất là ngày 31/12/2023.

Sau khi ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng công chứng thì Ông đã giao toàn bộ giấy tờ cho ông Đ để ông Đ làm thủ tục sang tên và ông Đ đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Do ông Đ chưa giao số tiền còn lại là 1.500.000.000 đồng cho Ông nên Ông chưa giao nhà đất cho ông Đ quản lý, sử dụng.

Tuy hợp đồng chuyển nhượng được ký kết tại Văn phòng công chứng ghi giá trị là 1.200.000.000 đồng nhưng thực chất Ông và ông Đ thỏa thuận riêng giá chuyển nhượng là 4.000.000.000 đồng (Có văn bản thỏa thuận). Việc ghi giá chuyển nhượng 1.200.000.000 đồng là do ông Đ yêu cầu để giảm phần thuế đã đóng bởi việc chuyển nhượng thì thuế, phí lệ phí là do bên nhận chuyển nhượng chịu.

Nay ông yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Minh Đ trả cho ông số tiền còn lại là 1.500.000.000 đồng, trả cho ông số tiền chi phí tố tụng là 24.000.000 đồng. Trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời ông cũng sẽ bàn giao nhà đất tại số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho ông Đ.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ bởi văn bản chuyển nhượng nền đất và tài sản gắn liền với đất ngày 11/10/2022 phía ông Đ thừa nhận là chữ ký của ông Đ, nội dung văn bản liên

mạch phù hợp với thực tế giá trị nhà đất được định giá và phù hợp với số tiền mà ông Đ chuyển cho ông H, phía ông Đ có lúc cho rằng chuyển cho ông H dư số tiền 1.300.000.000 là do nhầm, lúc lại là cho mượn chỉ là lời khai nại tại Tòa

* *Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Đăng S trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất như lời trình bày của phía nguyên đơn nhưng ông Đ đã thanh toán đầy đủ cho ông Trần Ngọc H. Việc ông Đ chuyển dư số tiền 1.300.000.000 đồng cho ông H là do ông Đ cho ông H mượn. Đối với văn bản thỏa thuận ngày 11/10/2022 chữ ký và chữ viết ở trang 1 và trang 3 là của ông H, trang 2 không giống như lúc ông Đ ký ban đầu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hợp lệ của văn bản này. Ông không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông đề nghị Tòa buộc ông Trần Ngọc H giao nhà đất tại số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho ông Nguyễn Minh Đ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* **Bản án dân sự sơ thẩm số:** 57/2024/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 271 BLTTDS, các Điều 166, Điều 501, 502, Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Buộc ông Nguyễn Minh Đ trả cho ông Trần Ngọc H số tiền 1.524.000.000 đồng. Kể từ ngày ông Trần Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án gửi Cơ quan Thi hành án Dân sự, mà ông Nguyễn Minh Đ không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Đ còn phải trả cho ông H khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

+ Buộc ông Trần Ngọc H bàn giao toàn bộ nhà, đất tại số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho ông Đ.

+ Buộc ông Nguyễn Minh Đ phải nộp vào ngân sách Nhà nước tiền phí, lệ phí đối với số tiền chênh lệch là (4.000.000.000 đồng - 1.200.000.000 đồng) = 2.800.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với nhà đất tọa lạc tại số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Mức phí lệ phí do Cơ quan thuế tính).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, bị đơn Nguyễn Minh Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bị đơn phản đối nội dung trang 2 thỏa thuận ngày 11/10/2022 thì nghĩa vụ chứng minh là của bị đơn theo quy định của Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự; nội dung trang 3 của thỏa thuận ghi thỏa thuận gồm 3 trang mỗi bên giữ một bản nhưng bị đơn không xuất trình được và không có căn cứ chứng minh việc ông H giữ cả hai bản. Việc chuyển khoản số tiền 2.490.000.000 đồng thì ông Đ ghi nội dung là thanh toán tiền nên không có sự chuyển nhầm, ông H trả lại số tiền 490.000.000 đồng là vì thực hiện đúng thỏa thuận ngày 11/10/2022. Lời khai của bị đơn là không đúng thực tế nên đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Đại diện Viện kiểm sát lập luận xác định yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên không chấp nhận, nhưng do án sơ thẩm tính án phí sơ thẩm cho bị đơn bao gồm cả chi phí tố tụng là không đúng nên cần sửa án về nội dung này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn Nguyễn Minh Đ nộp trong thời hạn, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tòa án sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp. Vụ án thuộc phạm vi xem xét giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền chuyển nhượng nhà, đất còn nợ là 1.500.000.000 đồng. Bị đơn không có ý kiến gì về thời hiệu khởi kiện vụ án của nguyên đơn nhưng do “Thỏa thuận chuyển nhượng nền đất và tài sản gắn liền với đất” ngày 11/10/2022 nêu thời hạn trả số tiền chuyển nhượng còn lại 1.500.000.000 đồng trễ nhất vào ngày 31/12/2023. Tuy nhiên căn cứ vào nội dung biên bản hòa giải khu phố A, phường F, thành phố M ngày 28/3/2023 (bút

lục 03) thì ông Đ không thừa nhận còn nợ ông H số tiền 1.500.000.000 đồng nêu trên tức đã vi phạm thỏa thuận ngày 11/10/2022, nên ông H có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 154 của Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung xét kháng cáo của bị đơn Nguyễn Minh Đ:

[2.1] Nguyên đơn Trần Ngọc H và bị đơn Nguyễn Minh Đ thống nhất nội dung: Vào ngày 19/12/2022, ông Trần Ngọc H lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Nguyễn Minh Đ đối với phần đất diện tích 149,3m² – thửa đất số 83 – tờ bản đồ số 24 – đất ở đô thị - địa chỉ: phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và nhà ở gắn liền với đất (địa chỉ nhà: số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang). Ông Nguyễn Minh Đ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CS12112 ngày 29/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T nhưng hiện tại ông H chưa giao nhà và đất chuyển nhượng cho ông Đ.

[2.2] Nguyên đơn Trần Ngọc H và bị đơn Nguyễn Minh Đ không thống nhất nội dung sau:

Ông H trình bày: Giá chuyển nhượng đất và nhà nêu trong Hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/12/2022 (bút lục 136, 137) là 1.200.000.000 đồng nhưng giá thực tế thỏa thuận là 4.000.000.000 đồng, ông Đ đã trả 2.500.000.000 đồng, còn lại 1.500.000.000 đồng ông Đ chưa thanh toán. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu ông Đ trả 1.500.000.000 tiền chuyển nhượng, khi đó ông H sẽ giao đất và nhà chuyển nhượng cho ông Đ (bút lục 12).

Ông Huỳnh Đăng S là người đại diện ông Đ trình bày: Giá chuyển nhượng đất và nhà nêu trong Hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/12/2022 (bút lục 136, 137) là 1.200.000.000 đồng và ông Đ đã thanh toán đủ số tiền này cho ông H (bút lục 36). Thừa nhận có chuyển giao cho ông H số tiền 2.500.000.000 đồng như ông H khai, nhưng lại trình bày trong số tiền này có tiền chuyển nhượng trả cho ông H là 1.200.000.000 đồng, số tiền còn lại là số tiền ông H mượn.

[2.3] Nhận thấy, ông H và ông Đ chỉ tranh chấp giá chuyển nhượng, theo ông H giá chuyển nhượng đất và nhà số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là 4.000.000.000 đồng; Theo ông Đ giá chuyển nhượng là 1.200.000.000 đồng ghi trong Hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/12/2022 (bút lục 136, 137).

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông H là “*Thỏa thuận chuyển nhượng nền đất và tài sản gắn liền với đất*” ngày 11/10/2022 (bút lục 133 đến 135), ông Đ thừa nhận có ký tên và ghi họ tên của mình vào trang 3 của thỏa thuận nhưng lại không thừa nhận giá thỏa thuận ghi ở Điều 2 tại trang 2 với số tiền chuyển nhượng ghi 4.000.000.000 đồng (bút lục 134).

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của ông Đ trình bày, khi ông Đ ký tên vào giấy thỏa thuận ở trang trang 3, thì trang 2 có nội dung khác với nội dung theo giấy thỏa thuận do ông H nộp cho Tòa án.

Xét, ông Đ không thừa nhận nội dung trang 2 “*Thỏa thuận chuyển nhượng nền đất và tài sản gắn liền với đất*” ngày 11/10/2022 nhưng không đưa ra được tài liệu chứng minh có việc thay đổi này và cũng không có chứng cứ chứng minh việc ông H giữ cả hai bản “*Thỏa thuận chuyển nhượng nền đất và tài sản gắn liền với đất*” ngày 11/10/2022. Đồng thời, ông H khai việc ký tên vào thỏa thuận là tự nguyện không bị lừa dối hay ép buộc, việc người làm chứng Hà Quốc D không có ký tên vào thỏa thuận không phải là điều kiện bắt buộc, nên “*Thỏa thuận chuyển nhượng nền đất và tài sản gắn liền với đất*” ngày 11/10/2022 là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia; theo đó, giá thực tế chuyển nhượng đối với phần đất nền và căn nhà trên đất có địa chỉ số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang được xác định là 4.000.000.000 đồng, ông Đ đã trả 2.500.000.000 đồng, nên còn phải trả tiếp số tiền 1.500.000.000 đồng; đồng thời ông Đ phải chịu chi phí tố tụng tổng cộng là 24.000.000 đồng là phù hợp quy định pháp luật.

Ông H không thừa nhận có mượn 1.300.000.000 đồng, đồng thời ông Đ không chứng minh được số tiền 1.300.000.000 đồng là tiền cho ông H mượn nên không có cơ sở chấp nhận.

Ông Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không được chấp nhận, cần giữ nguyên án sơ thẩm. Buộc ông Đ phải trả tiếp cho ông H số tiền chuyển nhượng còn nợ và chi phí tố tụng tổng cộng là 1.524.000.000 đồng, đồng thời ông H phải bàn giao nhà, đất đã chuyển nhượng cho ông Đ quản lý, sử dụng.

Về thời hạn lưu cư: Ông H có nơi cư trú khác và đồng ý di dời tài sản cá nhân ra khỏi nhà ngay khi ông Đ trả số tiền còn nợ nên Tòa án không xem xét thời hạn lưu cư đối với ông H khi giao nhà, đất cho ông Đ.

[3] Nội dung phần quyết định bản án sơ thẩm tuyên: “*Buộc ông Nguyễn Minh Đ phải nộp vào ngân sách Nhà nước tiền phí, lệ phí đối với số tiền chênh lệch là (4.000.000.000 đồng - 1.200.000.000 đồng) = 2.800.000.000 đồng theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với nhà đất tọa lạc tại số D N, phường F, TP M, Tiền Giang (Mức phí lệ phí do Cơ quan thuế tính)*” là vượt quá yêu cầu của đương sự và không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đối với việc ông Đ và ông H khai không đúng giá trị thực tế tài sản chuyển nhượng nhằm trốn tránh nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước với số tiền chênh lệch là 2.800.000.000 đồng chỉ cần kiến nghị Cơ quan thuế truy thu thuế đối với ông H, ông Đ về khoản tiền chênh lệch theo quy định là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí sơ thẩm: Tòa án sơ thẩm tính án phí sơ thẩm cả phần chi phí tố tụng là không phù hợp, cần xác định lại án phí đối với số tiền buộc trả 1.500.000.000 đồng là 57.000.000 đồng; vì vậy, Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm.

[5] Xét ý kiến và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Về ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 501, Điều 502 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Minh Đ.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2024/DS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Minh Đ có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc H số tiền nợ tổng cộng là 1.524.000.000 đồng (một tỷ năm trăm hai mươi bốn triệu đồng); trong đó: tiền chuyển nhượng nhà, đất tại số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang còn nợ là 1.500.000.000 đồng và chi phí tố tụng là 24.000.000 đồng.

Ông Trần Ngọc H thực hiện nghĩa vụ bàn giao toàn bộ nhà, đất tại số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang cho ông Nguyễn Minh Đ quản lý, sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số vào sổ cấp GCN: CS12112 ngày 29/12/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho ông Nguyễn Minh Đ.

Việc giao nhận tiền và bàn giao nhà, đất số D N, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trần Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Minh Đ không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng ông Đ còn phải trả cho ông H khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 57.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Trần Ngọc H số tiền 28.500.000 đồng tạm

ứng án phí theo biên lai thu số 0023727 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Minh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm số 0006081 ngày 03/5/2024; ông Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố M;
- CC THADS thành phố M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Minh Nguyệt